

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán văn: Nam Thiên Trúc Tam Tạng **BẠT CHIẾT LA BỒ ĐỀ** (Vajra-bodhi) tập soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngài Tam Tạng của Nam Thiên Trúc là **Bạt Chiết La Bồ Đề** (Vajra-bodhi: Kim Cương Trí) đã góp nhặt rồi biên soạn **Khu Yếu Niệm Tụng Môn**. Trong đó ý muốn khéo thành **Đa Lợi Tâm Bồ Tát** cũng thông tất cả các Bộ. Nếu dùng Bộ khác thời nên theo bậc **Minh Pháp** (hiểu rõ Pháp), gần gũi hỏi han, quyết lược bỏ định liệu **Minh Chú Ấn**, các thứ tự khác, đừng nên thêm bớt

Pháp Môn này kết hợp với Pháp Môn của các Kinh và Du Già Môn tạo thành. Vì người sơ Tâm cầu giải thoát đều được địa vị, cho nên tu tập thành tựu Hạnh đó

Người tu Môn này. Trước tiên nên vào **Đại Tam Muội Gia Đàn** (Mahā-samaya-maṇḍala), thọ **Bồ Tát Giới** (Bodhisatva-vinaya), hành **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-caryā), khởi ý **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa), buông bỏ tiền tài thân mệnh, làm lợi ích cho Hữu Tình. Chuyên tâm mong cầu kính ngưỡng **Phật Bồ Đề**, chẳng dính tham giận, siêng năng dũng mãnh nhiếp Tâm chẳng loạn, **Từ Bi Hỷ Xả** luôn không tạm ngưng, Tâm thường phát nguyện thầy đều khiến cho vô biên chúng sinh vượt qua bờ kia.

Người hành Pháp này, bên trong bên ngoài của thân mình trong sạch, khiến thật nghiêm khiết. Ở chỗ của các bậc Trưởng Túc, Hoà Thượng, **A Xà Lê** (Ācārye)...thường nên tôn trọng, tâm không có nịnh hót quanh co (xiêm khúc), nói năng thành thật, chẳng trái ngược với Tín Mệnh, tùy phần hành **bố thí** (Dāna), đừng tham dính tài thí, Tâm không gián đoạn nơi bốn uy nghi đừng để khuyết dứt, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), đừng nghĩ đến sắc dục, buông thả phóng túng với các việc mua bán.

Như vậy khoảng giữa, mỗi một sát na thời phần, lắng niệm chân thật nhìn các **Hành** đều **Vô Thường**. Lược nói là: "*Tất cả các Pháp giống như hình tượng trong gương*". Đã biết điều đó xong, cần phải mặc áo giáp tinh tiến, phá hoại quân phiến não, tri Minh Chú, nghiệm phá tận lưới mê, ra khỏi biên hư vọng của Sinh Tử đến **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa) ngồi trên **toà Kim Cương** (Vajrāsana), quyết định Tâm của mình đừng khiến thoái chuyển.

Người tác ý như vậy mới nên tu tập Pháp Môn tối thắng trong **Đại Thừa Giới Tạng** này. Chính vì thế cho nên Ta theo thứ tự nói:

Người muốn niệm tụng, trước tiên làm sạch đất. Pháp làm sạch đất là: Chọn lựa đất ấy hoặc rộng bốn khuỷu tay, tám khuỷu tay, mười một khuỷu tay, mười sáu khuỷu tay... ở trong lượng ấy tùy theo sức mà chọn. Xong đào sâu xuống đến đầu gối, hoặc sâu một khuỷu tay. Lựa bỏ trùng, kiến với các nhóm vật uế ác thuộc nhóm các ngói, đá vụn, tóc, xương, tro, than, vỏ trấu, hạt lúa lép, gai góc, gốc cây.... Lấy đất sạch lấp đầy rồi nện chặt cho thật bằng phẳng. Xong, nên ở bên trên dựng Diệu Tịnh Xá, xoa tô cái thật ấy. Thoạt tiên định phương hướng

Nếu người cầu Pháp **Trừ Tai** (Sāntika) thì thất ấy nên mở cửa Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc. Lúc ngồi thời giao hai ống chân.

Nếu người cầu Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika). Nên mở cửa Tây, ngồi hướng mặt về phương Đông, ngồi theo thế Kiết Già

Nếu người làm Pháp **Sân Nộ**. Nên mở cửa Bắc, ngòi hướng mặt về phương Nam, ngòi xôm, hai bàn chân, bên trái đè bên phải.

Nếu người làm Pháp **Bằng Hữu Tương Thân**. Nên mở cửa Đông, ngòi hướng mặt về phương Tây, kèm hai ống chân, dựng mở hai đầu gối.

Đây gọi là làm Tịnh Xá với ý cầu việc. Chú Sư ngòi, khởi kết Ấn, làm Pháp. Đã lược nói xong.

Nếu trước tiên có Tịnh Thất, hoặc ở đất ở ngoài đồng trống, hoặc ngay trên nhóm đá, núi... chỉ làm Đàn ấy cũng được, tùy theo việc mong cầu, y như Pháp làm ất được tùy nguyện.

Thất ấy, trước tiên dùng nơi có xoa bôi tô điểm. Liên lấy Chú sau mà chú, sau đó mới dựng.

Nếu muốn làm sạch đất ấy thì lau quét khiến cho trong sạch.



Lúc mới lau quét thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**Án, ha la ha la, la nho, yết la, ha la noa gia, toa ha**"

ॐ हारहार राजावृग्रा अहारण्या स्वहा

OM _ HĀRA HĀRA RAJA-UGRA AHĀRANYA _ SVĀHĀ

Tụng ba biến rồi lau quét.

Lau quét xong, lúc trừ bên trên thời lại tụng Chú sau là:

"**Án (1) thuế đề, ma ha thuế đề (2) thú đạt nễ (3) toa ha**"

ॐ सुद्धे महे सुद्धे सोधने स्वहा

OM _ ŚUDDHE MAHĀ-ŚUDDHE ŚODHANE _ SVĀHĀ

Tụng Chú xong, trừ bên trên đó.

Lúc dùng phân bò xoa tô Đàn thời Chú là:



"**Án (1) yết la lệ (2) ma ha yết la lệ (3) toa ha**"

ॐ कराले महे कराले स्वहा

OM _ KARĀLE MAHĀ-KARĀLE _ SVĀHĀ

Tụng Chú đó dùng xoa bôi đất của Đàn.

Tẩy rửa vật khí cúng dường với vật khí chứa nước thơm. Chú là:

"**Na mô tất để lý na (1) trụy phì ca nam, tát bà đát tha yết đa nam (2) Án (3) vĩ la nhĩ vĩ la nhĩ (4) ma ha bạt chiết lý, tát đa tát đa (5) tát la đế tát la đế, đa la duệ đa la duệ (6) tỷ đà ma nễ (7) tam bạn xà nễ (8) đa la ma để (9) tất đà (10) yết lý, đế lý diệm (11) toa ha**"

नमः सुद्धे महे सुद्धे सोधने स्वहा

ॐ वरिवरि मन्ववव वरु मरुमरु मरुमरु वरुवरु
वदमव संरुव वमव मरुव वं वरु

NAMAH STRIYA-DHVIKĀNĀM SARVA TATHĀGATĀNĀM
OM VIRAJI VIRAJI , MAHĀ-CAKRA-VAJRI , SATA SATA, SARATE
SARATE, TRAYI TRAYI, VIDHAMANI SAMBHAMJANI TRAMATI, SIDDHA
AGRI TRĀM SVĀHĀ

Tụng Chú đó ba biến xong, tẩy rửa các vật cúng. Sở dĩ tụng Chú này vì muốn
Tịnh Trừ tội lỗi phạm **Tam Muội Gia Pháp**, tất cả xúc ược.

Nếu vật khí chứa thức ăn với hương hoa, vật cúng dường...mà chưa cúng dường,
khoảng giữa gom chung lại để ở một chỗ sạch sẽ, tụng **Minh Chú** này kết Ấn phòng
hộ.



Chú là:
"Ấn (1) thủy khư lý (2) bạt chiết lý (3) hàm"

ॐ श्रीव वरु व
OM ŚIKHIRA VAJRI AM

Kết Ấn xong, tay phải đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống, nắm ngón cái làm
Quyền, dựng thẳng ngón trở, liền thành.



Dem Ấn này ấn bên trên các vật, chuyển theo bên phải khua múa dùng để phòng
hộ tất cả vật của nhóm hương, hoa, đèn, hương xoa bôi với thức ăn uống

Sau đó người làm Pháp đi đến nơi muốn tác Pháp đó thời hoặc tự mình làm, hoặc
khiến đệ tử làm, đều được. Nếu muốn kết Ấn thời trước tiên nên kết **Tam Muội Gia
Ấn** xong, sau đó mới được kết các Ấn Tam Muội Tướng.

Thứ nhất là **Phật Tam Muội Gia Ấn**: Hai tay kèm bên cạnh thân tướng dính
nhau, như thường bụm vật. Dem đầu ngón trở phụ ở vạch bên trên của ngón giữa, tiếp
dem đầu ngón cái phụ ở vạch bên dưới của ngón trở liền thành Ấn đó.



Chú là:
"Ấn (1) đất tha yết đồ (2) nạp bà ba gia (3) toa ha"

ॐ तथगत उडवव वरु
OM TATHĀGATA-UDBHAVĀYA _ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong, nâng Ấn an trên đỉnh đầu, nên tác tướng là: "*Ấn này tức là thân Phật*"

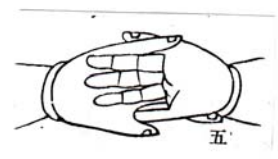
Tiếp nói **Liên Hoa Tam Muội Gia Ấn**. Đem hai cô tay cùng dính nhau, dựng hai bàn tay, bung mở mười ngón tay, hai ngón cái kèm dính nhau, hai ngón út cũng vậy, liền thành.



Nâng Ấn này để trên đỉnh đầu như tướng sát bên phải. Nên tác tướng này: "*Ấn này tức là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát*". Liền nói Chú là:

"**Ấn (1) bát đầu mâu (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**
 ॐ पद्म उद्भवया स्वहा
 OM_ PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tiếp nói **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay, bên phải đè bên trái. Tức ngón út phải cài chéo với ngón cái trái, ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, liền thành.



Chú là:
 "**Ấn (1) bạt chiết lô (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**"
 ॐ वज्र उद्भवया स्वहा
 OM_ VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Nâng Ấn này an trên đỉnh đầu như tướng sát bên trái, tướng làm Kim Cương.

Tác ba **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới có thể kết tất cả các Ấn. Nên tuân theo ba **Bộ Chú Vương Bí Tạng**, nên y theo Pháp đó hành dụng. Đã nói xong điều cần thiết.

Phàm người tu hành, lúc sáng sớm, mới thức dậy, chưa có làm gì. Muốn đi ra, nên làm Pháp này, sau đó ra vào. Trước tiên nên kết Ấn, niệm Minh Chú xong, sau đó mới đi. **Minh Chú** đó là:

"**Nam mâu la đất na đất la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ bạt chiết la ba noa duệ (2) ma ha dục xoa, tê na ba đa duệ (3) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (4) đặng sát đồ lô gia tra, bội dị la ba gia (5) Đất địa tha (6) Ấn (7) a mật lý đa quân đồ lý (8) khư khư (9) khư hề khư hề (10) để sắt đà, để sắt xá (11) bạn đà bạn đà (12) ha na ha na (13) yết xà yết xà (14) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (15) tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, ma ha già na bạt để (16) thị tỷ đan đa yết la na (17) hồng phán (18) toa ha**"

ॐ इ वृक्षय
 ॐ श्री वृक्षय मन् यक्ष मन्पगय

नमः वज्र क्रोधय संक्रुद्धं क्रुद्धं वय
 न क्रुद्धं उं मृमृग क्रुद्धं वय वक्रवक्रं (नष्टं नष्टं वय वय
 क्रुद्धं क्रुद्धं वक्रवक्रं वक्रवक्रं मय वय वय वय मय
 वय वय वय वय वय वय वय वय वय वय

NAMO RATNA-TRAYĀYA
 NAMO ŚCANĀDA-VAJRA-PĀNĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
 NAMO VAJRA-KRODHAYA-DAMṢṢTRA-UDGHATA BHAIKAVAYA
 TADYATHĀ: OM_ AMṚTA-KUNḌALI_ KHAKHA KHAHI KHAHI _
 TIṢṢA TIṢṢA _ BANDHA BANDHA _ HANA HANA _ GARJA GARJA _
 VISPHOṢAYA VISPHOṢAYA _ SARVĀ VIGHNAM VINĀYAKA MAHĀ-
 GAṆAPATI JIVITA ANAKARĀṆA HŪM PHAT_ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong. Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út, duỗi ba ngón còn lại. Liền giao hai cánh tay, bên phải đè bên trái, đều phụ trên bắp tay, liền thành.



Trong Tâm nên tác tượng, hai bàn chân đứng như chữ **Bát** (八) trương gò má cắn môi bên phải, làm dạng giận dữ, tụng Chú bảy biến. Đây gọi là **Tịch Ma** (trừ bỏ Ma, xa lánh Ma)

Nếu muốn cột trời các Quỷ Thần gây chướng ngại. Liền nâng hai bàn tay chỉ ba lần, liền cột trời các chướng. Lúc cột trời các chướng thời nên nói là: "**Bạn ðà, bạn ðà**" (Bandha bandha). Tác Pháp này xong, sau đó mới ra khỏi phòng.

Nếu người trì tụng lúc tắm gội thời nên lấy đất sạch, dùng lửa thiêu đốt khiến cho nóng kỹ xong, làm bụi nhỏ. Đem bụi ấy để trong một vật khí, liền thành. Dùng Ấn tụng Chú xong liền làm sạch vật dụng chưa sạch.

Tượng của Ấn đó là: Hai tay, ba ngón từ ngón trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cái chéo nhau, kèm hợp dựng cạnh hai ngón trở, dựng hai ngón cái.



Tức Chú đó là:
 "Án (1) nễ khư na (2) ba tô ðệ (3) toa ha"
 उं वक्रवक्रं वसुधे सूक्त
 OM_ NIKHANA VASUDHE _ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong, ba lần dùng Ấn tiếp chạm trên đất ấy. Khởi đầu gọi là **làm sạch**, mới có thể thọ dụng

Người trì Pháp nếu muốn đi đến các nơi, trước tiên dùng Ấn hộ thân. Ấn đó là: Hai tay đem hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cài chéo nhau, dựng thẳng hai ngón giữa dính nhau, hai ngón trở phụ vạch bên trên của hai ngón giữa cùng cách nhau một phân, kèm dựng hai ngón cái vịn vạch ở giữa hai ngón trở.



Liên Chú là:

"**Án (1) bạt chiết la (2) kỳ nễ, bát la niệm ba đa gia (3) toa ha**"

ॐ वज्रअग्निप्रदीप्या स्वहा

OM VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Dùng Ấn này ấn ở năm chỗ: cái đầu, hai vai, trên trái tim với cổ họng. Đó gọi là **Ngũ Xứ** rồi mới có thể đi. Đây gọi là Pháp **Hộ Thân**

Nếu đi nhà xí thời trước tiên nên búng ngón tay ba lần để Cảnh Giác, sau đó đi.



Chú búng ngón tay (**Đàn Chỉ Chú**) là:

"**Án (1) chỉ lý, chỉ lý (2) chỉ la, lao chỉ la (3) hồng phán**"

ॐ किलिकिला राुद्रा हुं फट

OM KILI KĪLIKĪLA RAUDRA HŪM PHAT

Một lần tụng, một lần búng ngón tay cho đến ba lần thì mới có thể đi nhà xí.

Nếu lúc **Tẩy Tịnh** thời trong Tâm giữ niệm, tưởng Chú với hình của **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali) lúc trước, sau đó rửa tay xong, liền xúc miệng. Xúc miệng xong đem ấn miệng. Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái, ngón trở, ngón út, nâng nước. Dùng ba lần xúc nhỏ.

Chú là:

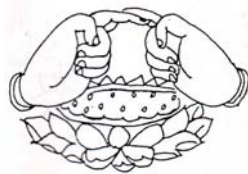
"**Án (1) trụ trụ lễ (2) câu lỗ câu lỗ (3) toa ha**"

ॐ तुतुल कुरु कुरु स्वहा

Om TUTULA KURU KURU SVĀHĀ

Dùng Ấn Chú đó, xúc nhỏ xong.

Lại tác **Ấn Chú Tịnh Trì** nhóm Quỷ Thần gây chướng ản hình trong thân. Hai tay đều nắm quyền, liền duỗi hai ngón trở, đem ngón trở phải để ở trong quyền trái rồi nắm lại, ngón trở trái đối với tay phải cũng vậy.



Chú là:

"Ấn (1) ha na ha na (2) a mật lý đế (3) hồng phán"

ॐ ह न ह न ह मृ त्त ॐ ह ण

OM_HANA HANA _AMRTE _HŪM PHAT

Tụng Chú ba biến xong, đem Ấn từ cái đầu từ từ xoa, hướng xuống dưới ba lần để hay khiến cho tất cả Ma Chướng trong thân thầy đều tiêu diệt. Tưởng biết các nhóm Ma xuất ra xong.

Lại tác **Phộc Chư Ma Ấn**, Ấn đó là **Đại Nộ Kim Cương Ấn**. Đem tay trái hướng ra ngoài nâng nhắc, liền đem tay phải lật nghiêng lưng ở trên lưng tay trái xong, đem tám ngón tay cùng cái chéo nhau. Tức bên trái lật xoay lại, hướng trên trái tim, gom thành quyền xong, kèm dựng hai ngón cái để ngang trái tim, lại để bên trong chùi chỗ phải ở trong cùi chỗ trái, hướng xuất ra ngoài. Đem Ấn an trên đầu xong, liền mở Ấn ấy từ từ hạ xuống. Chú là:

"Ấn (1) chỉ lý chỉ lý (2) tỳ ma lao đạt la (3) bát la cật lý đế (4) ma ha câu lô đà (5) tỳ xã gia (6) nễ cật lan đa (7) hồng hồng (8) phán (9) bàn đà bàn đà (10) toa ha"

ॐ क्रि क्रि क्रि क्रि मी मृ त्त च र त्त म त्त त्त व र त्त व र त्त ॐ ह ण
व व व व मृ त्त

OM_KILI KILI_SĪMĀ RAUDRA PARAKRTE _MAHĀ-KRODHA VIJAYA_NIKRĀNTA_HŪM HŪM PHAT_BANDHA BANDHA_SVĀHĀ

Dùng sức của Ấn Chú đó hay khiến tất cả nhóm Ma bị cột trời. Lại tưởng thân mình mặc áo giáp Kim Cương khiến cho cung Ma chấn động chẳng yên đều đến quy hàng.

Lại đem đất sạch chia làm ba phần. Lúc chia đất thời lại tác Ấn Chú xong, tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón út.



Liền an Ấn ở cạnh eo phải. Tay trái cũng tác Ấn này đem nước rưới vảy ở trên đất. Chú là:

"Ấn (1) a mật lý đề (2) hồng phán"

ॐ मृ त्त ॐ ह ण

OM_AMRTE HŪM PHAT

Tụng Chú này ba biến xong, dùng rưới vảy xong sau đó dùng đất.

Lại tác Pháp **Tịnh Thủy**. Tay trái: co ngón cái vào lòng bàn tay, liền co ngón giữa ngón vô danh đè trên ngón cái, tiếp co ngón trở ngón út như móc câu, đầu của hai ngón trở kèm nhau ở lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, dùng bàn tay chống eo, co cánh tay trái hướng ra ngoài, liền thành.



Chú là:

"**Na mâu bạt chiết la, hồng (2) ha na, độ na (2) ma tha vĩ thời phụng sa du sai la gia, hồng phán**"

ॐ नम वज्रं हं नम ३ न मथ विध्वंसया उदसारया हूं फाट

NAMO VAJRA HŪM_ HANA DHUNA MATHA VIDHVAMSA YA UDSARĀYA HŪM PHAT

Tụng Chú này bảy biển, tác Ấn lúc trước, vào ở trong nước. Hoặc trong sông lớn, hoặc biển, hoặc ao... đều tác Ấn đó. Nếu dùng Chú chứa nước thời chỉ dùng Ấn đó tiếp chạm, sau đó tắm.

Vào trong nước, liền nâng bàn tay phải chằng buông Ấn ấy, dùng khoa múa phương bên dưới với bốn phương, phương bên trên dùng đề Kết Giới. Lúc khua múa Ấn thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) thương yết lý (2) tam muội duệ (3) toa ha**"

ॐ त्रिकार समये स्वहा

OM_ ŚAMKARE SAMAYE SVĀHĀ

Tụng Chú đó ba biển, dùng khua múa kết Giới xong, liền thành bờ mé của Giới

Lại nếu lúc dùng đất sạch thời dùng tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, đem nước rưới vẩy trên đất với trên nhóm Táo Đậu dùng.



Chú là:

"**Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la (3) hồng phán**"

ॐ किलिकिल वज्रं हं फाट

OM_ KĪLIKĪLA VAJRA_ HŪM PHAT

Lại nữa **Tịnh Thủy Ấn**. Hai tay, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào bên trong cùng cái chéo nhau, co đầu hai ngón trở cùng trụ nhau, như vật hơi tròn, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) ha na, bạt chiết la (2) bạt chiết lý noa, ha**"

ॐ ह न वज्र वज्रम ह

OM_ HANA VAJRA VAJREṆA HĀ

Tụng Chú trên ba biển xong. Ở bên trong nước, quấy nhiễu hay khiến cho tất cả loài Cá, Rồng với các trùng độc và các nhóm chương trong nước chẳng thể gây hại.

Lại nếu dùng nhóm Táo Đậu, muốn mở xoa thân thể thời nên dùng tay phải: đem ngón giữa, ngón vô danh co song song vào lòng bàn tay. Đem ngón cái vịn trên móng hai ngón ấy, duỗi thẳng ngón trở ngón út.



Nhóm Táo Đậu, tro, đất phải dùng kèm an trong lòng bàn tay. Trước tiên dùng xoa đầu, nếu tẩy rửa phần bên trên thời Chú là:

"**Án (1) a mật lý đế (2) hồng phán**"

ॐ अ मृते हूं हूं

OM_ AMṚTE HŪM PHAT

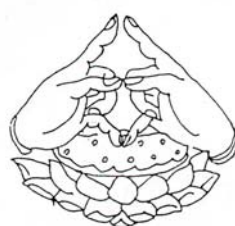
Tiếp tẩy rửa phần bên dưới của thân thời Chú là:

"**Án (1) bộ (2) thập ba la (3) hồng**"

ॐ बु त्तल हूं

OM_ BHŪR-JVALA HŪM

Tiếp nếu tẩy rửa phần bên dưới của thân xong. Lại dùng Án Chú xúc miệng lúc trước tẩy sạch rồi mới tiếp chạm cái đầu.... Khi tắm rửa xong thời rửa sạch bàn tay, xúc miệng... cũng làm giống như vậy. Tắm xong, liền dùng **Quân Đồ Lợi Giáp Trụ** dùng khóa mặc nơi thân. Pháp đó nên dùng hai tay: co ngón giữa ngón vô danh vào lòng bàn tay, liền đem ngón cái vịn trên móng của hai ngón ấy, lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh dính nhau. Hai ngón trở, hai ngón út trụ nhau liền thành.



Chú là:

"Nam mâu la đát na đát la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ (2) bạt chiết la ba noa duệ (3) ma ha dược xoa, tê na ba đa duệ (4) Na mô bat chiết la câu lô đà gia (5) bát la thập phộc lý đa niệp ba đa (6) đặng sắt đồ lô yết tra, bội la ba gia (7) a tư mẫu bà la (8) bạt chiết la, ba la du ba xá ha bà đa gia (9) Đát địa tha (10) Án (11) a mật lý đa quân đồ lợi (12) khur khur khur khur (13) khur na, khur na, khur na, khur na (14) khur đà, khur đà, khur đà, khur đà (15) khur hề, khur hề, khur hề, khur hề (16) để sắt đà, để sắt xá (17) đà ha đà ha (18) ba già, ba già (19) ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na (20) bàn đà bàn đà (21) yết xà yết xà (22) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (23) bà già bàn, a mật lý đa, quân đồ lợi (24) mẫu lật đạt na đa xà gia (25) bạt chiết lợi noa, tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, nễ bà la (26) ma ha già na bà để, thị tỳ đản đa ca la (27) hồng hồng (28) phán phán"

ॐ नमो रत्नत्रयै
नमो शिखे वज्रधरिणे महो यक्षसेनापतये
नमो वज्र क्रोधये प्रज्वालिते दीपे संक्रोधये श्रीवये श्री
सुसारे वज्रपिंडु पशे कस्ये
ॐ ह्रीं उं श्रीं मुं कुं श्रुं इव इव इव इव इव इव इव इव इव इव
इव
इव
श्रीं मुं कुं श्रुं सुदने न स्य वज्रमे सर्वे विष्णु विष्णु विष्णु विष्णु मरु
गणपते शिवे नमो नमो ॐ ॐ कुरु कुरु

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO ŚCANḌA-VAJRA-PĀNĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
NAMO VAJRA-KRODHAYA PRAJVALITĀ-DĪPTA DAMṢṬRA-
UDGHATA BHAIRAVAYA _ ASI MUSARA VAJRA PARĀŚŪ PĀŚA
HASTĀYA

TADYATHĀ: OM_ AMṚTA-KUṆḌALI _ KHAKHA KHAKHA_ KHANA
KHANA KHANA KHANA_ KHADA KHADA KHADA KHADA_ KHAHI
KHAHI KHAHI KHAHI_ TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ DAHA
DAHA_ PACA PACA_ GR̥HṆA GR̥HṆA_ HANA HANA_ GARJA GARJA_
VISPHOṬAYA VISPHOṬAYA _ BHAGAVAM AMṚTA-KUṆḌALI _
MĀRDHANATĀ JAYA_ VAJRIṆĪ SARVA VIGHNAM VINĀYAKĀ
NIVARAYA_ MAHĀ-GAṆAPATI JIVITA ANTAKARĀṆA HŪM HŪM _
PHAT PHAT

Tụng Chú này bảy biến xong, dùng Án quán quanh thân, cột buộc. Tưởng thân mặc áo giáp.

Lại dùng Chú đó chú vào nước, rưới rót đỉnh đầu (quán đỉnh). **Quán Đỉnh Án** là: Hai tay: đem hai ngón út hướng vào bên trong, bên phải đè bên trái, cùng cái chéo nhau; liền đem hai ngón vô danh kèm đè lên, hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trở đều phụ lông trên của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ bên cạnh hai ngón trở, liền thành.



Dùng Ân này múc lấy nước dùng làm Quán Đỉnh. Chú là:

"**Án (1) hạc, khư lý lý (2) hồng (3) phán**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_HAḤ_KHAKALI_HŪM PHAṬ

Tụng Chú này ba biến Quán Đỉnh xong, lau thân khiến cho khô ráo

Tức lại kết tóc ở đỉnh đầu, làm một búi tóc. **Kết Đỉnh Phát Ân**: Tay phải nắm quyền, duỗi thẳng ngón cái tức là **Kết Đỉnh Phát** (kết tóc ở đỉnh đầu), sau đó mới kết Ân.



Chú là:

"**Án (1) thủy khế, toa ha**"

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ŚIKHI_SVĀHĀ

Lại nếu lúc tắm gội thời chẳng nên gần chỗ bùn lầy, hoặc gần chỗ có gai góc, những nơi nguy hiểm, vùng có nước xoáy chảy nhanh cho đến rất sâu hoặc lúc rất cạn... đều chẳng nên tắm. Nếu ở suối, ao, sông, giếng... đều chẳng được đi tiểu tiện, chày nước mũi, nhổ nước bọt.... Trên bờ sông, ao, suối đều chẳng được ném vứt vật chẳng sạch. Hoặc lúc vượt qua, hoặc lúc lặn chìm, hoặc thả nổi đùa giỡn, hoặc nằm, hoặc chuyển, hoặc là hình đó mà sinh tâm Dục... Mọi điều này đều chẳng nên làm.

Một lòng nhớ niệm chư Phật, Bồ Tát...đừng để tán loạn. Tướng **Bản Chú Thiên** cùng với thân của mình không có khác. Tướng **Bản Chú Thần** với nhóm **Tam Bảo** như ngay trước mắt. Dùng ba bụm nước muốn tắm để hiển.

Ân đó là: Hai tay như thường làm thành bụm tay, chỉ đem hai ngón cái với hai ngón trở cùng vịn nhau, trước tiên dâng phụng Tam Bảo với Bản Thiên. **Hiển Thủy Chú** là:

"**Án (1) đế lý đế lý (2) bột đà (3) toa ha**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_TERALE BUDDHA_SVĀHĀ

"**Án (1) đế lý đế lý (2) đạt ma (3) toa ha**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_TERALE DHARMA_SVĀHĀ

"**Án (1) đế lý đế lý (2) tăng già (3) toa ha**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_TERALE SAṂGHA_SVĀHĀ

Hiển Bản Thiên Thủy Chú là:

"**Án (1) đa lý (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) a lý kiềm (5) bà già bà đế (6) bát la để xa, ế hàm (7) toa ha**"

ॐ नमो बुद्धो बुद्धो बुद्धो अर्घ्यं भगवते प्रणिच्छामि स्वामि

OM TĀRE TUTTĀRE TURE ARGHAM BHAGAVATE PRATĪCCHA
IMAM SVĀHĀ

Làm nước bên trên của Pháp đó xong, tùy theo sức nhiều ít, ở trong nước niệm nơi Bản Chú xong, từ từ ra khỏi nước, lấy áo mặc. Lúc mặc áo thời dùng nước rưới vẩy ở trên áo, sau đó lấy mặc vào.

Tiếp hai tay lấy nước làm quyền, dùng rưới vẩy liền thành.



Chú là:

"**Án (1) tát bà đát tha yết da (2) địa sắt-sĩ da (3) a ma chí bà la (4), toa ha**"

ॐ सर्वं तथगतधृष्टिता अवाज्वाल स्वामि

OM SARVA TATHĀGATA-ADHIṢṬITA AVA-JVALA SVĀHĀ

Tiếp Án Chú mặc áo. Án ấy là: Hai tay đều nắm quyền, liền thành.



Chú là:

ॐ विमल परिवर्त वज्र हूं

OM VIMALA PARIVARTTA-VAJRI HŪM

Tụng Chú đó mặc áo kèm với đeo Anh Lạc, đội mũ, đeo vòng xuyên với các vật nghiêm thân đều cùng dùng Chú lúc trước.

Ngay lúc tụng gọi, mặc áo kết Hộ. Ở khoảng giữa ấy chẳng nên khởi tức giận với nhớ nghĩ tà bậy. Tất cả vật của nhóm uế ác với chẳng lành đều chẳng nên nhìn.

Nếu tụng xong, đi đến Tịnh Xá thời chẳng thể để chân không mà đi, trong Tâm tác tưởng có hoa sen tám cánh nâng bàn chân ấy. Thân của mình cùng với hình của **Bản Thiên** cùng một loại, tưởng hai bên trái phải đều có đủ tám Bộ Trời Rồng, Thần Vương vây quanh theo hầu. Lại quán **Bản Thần** ở ngay trước mặt của mình, nghiêm nhiên trụ trong ba cõi.

Tất cả người trì tụng, lúc muốn xuất hành thời không kể xa gần, trong đường đi có cỏ tươi với các hàng súc sinh... chẳng nên ngồi cõi lên. Các vật cúng dường với bóng tháp, ảnh của Tôn tượng với bóng ảnh của sư tăng, cha mẹ... đều chẳng nên đạp lên.

Đến trước Tịnh Xá, lại rửa sạch xúc miệng rồi vào Tịnh Xá. Lúc mới mở cửa thời tác một tiếng **Hồng** (HŪM) rồi vào. Vào xong rồi làm lễ. Lúc làm lễ thời tác Tâm như

vậy: "Chư Phật, Bồ Tát, tất cả Pháp Vương của ba đời, thường trụ không biến đổi, chỉ vì người phạm mắt thịt chẳng gần gũi nhìn thấy"

Tác tướng đó xong, nên trừ ba **Si**, phát tu ba **Phước**, cúi năm vóc sát đất ân trọng mà lễ.

Lúc lễ bái thời Tâm, miệng tương ứng nói lời như vậy: "Nay con quy mệnh tất cả chư Phật với các Bồ Tát".

Nói lời đó, lễ xong liền quỳ hai gối, chấp tay chí tâm sám hối tất cả tội lỗi do tự mình làm hoặc dạy người khác làm, thấy nghe chỉ dẫn vui mừng....các Ác của nhóm như vậy, thấy đều sám hối.

Sám hối xong, lại nên tùy vui tất cả Công Đức, rộng phát Nguyện lớn, thê tu các điều lành chẳng gây hại cho vật.

Tác Pháp đó xong, liền quỳ gối phải sát đất, y theo **Kim Cương Tam Muội Ấn** lúc trước, tụng Chú này.



Chú là:

"**Án (1) bạt chiết la, mật (2) toa ha**"

ॐ वज्र विः स्वहा

OM VAJRA VIḤ SVĀHĀ

Lúc tác Ấn đó thời đồng với dùng ba Nghiệp cúng dường chư Phật, hay khiến cho Hành Giả mau được thân bền chắc của Kim Cương.

Tác Pháp đó xong, nên ngồi Bán Già, mở hai mắt ấy. Ở trên con mắt bên phải tưởng một chữ **Ma (𑖣-MA)**, tức chữ **Ma** này biến thành mặt trời sáng rực. Ở trên con mắt bên trái, tưởng một chữ **Tra (𑖔-T)**, tức chữ **Tra** này biến làm mặt trăng trắng sạch

Tác tướng đó xong, ngoài nhìn bốn chung quanh như Sư Tử Vương. Ở trong mắt ắt bắn ra uy quang Kim Cương sáng rực, bốc lửa đỏ rực thiêu tan tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka:Loài gây chướng). Tác Pháp đó hay khiến cho **Chú Thần** thấy đều vui vẻ.

Tác tướng đó xong thời Chú là:

"**Án, bạt chiết la (2) đạt lữ sắt sỉ, ma tra**"

ॐ वज्र दृष्टि मत्र

OM VAJRA-DRṢṬI MAT

Lại nên đốt hương, dùng khói hương này xua đuổi tất cả các Ma trong cõi hư không ở phương trên. Chú là:

"**Án, bát đầu di nễ (2) mâu a gia, mâu ha gia (3) xà ngải mâu ha nễ (4) toa ha**"

ॐ पद्मिनी मोहाया मोहाया जगदमोहानि स्वहा

OM PADMINI MOHAYA MOHAYA JAGAD-MOHANI SVĀHĀ

Tụng Chú này đốt hương tịnh trừ Ma trong cõi hư không ở phương trên xong.

Liên tụng **Bộ Tâm Chú** chú vào hương bột hoà với nước, dùng để kết Giới bốn phương. Chú là:

"**Án (1) a lộ lực (2) toa ha**"

ॐ अल्लुल्ल स्वहा

OM_ AROLIK_ SVĀHĀ

Tác Pháp đó xong. Lại tác quán này: một chữ **Hột-lý** (𑖀𑖃_ HRĪḤ), **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) từ chữ đó khởi thân, tuôn ra nước sữa màu nhiệm tạo thành biển lớn. Ở trong biển đó, tưởng một chữ **Bát-la** (𑖀𑖂_ PRA), toàn chữ **Bát-la** này hoá thành một con rùa với thân hình rộng dài vô lượng, màu sắc như vàng ròng. Ở trên lưng rùa, tưởng một chữ **Hột-lý** (𑖀𑖃_ HRĪḤ), tức chữ này lại hoá làm một hoa sen. Hoa ấy màu đỏ đều có tám cánh, cánh có ba lớp. Lại ở trong hoa này, tưởng chữ **Tô** (𑖀𑖂- SU), hai bên chữ **Tô** đều tưởng có một chữ **Hồng** (𑖀𑖃_ HŪM) rồi hoá thành một núi Tu Di (Sumeru), núi có tám ngọn do mọi báu hợp thành

Ở trong núi này, lại quán năm cái thất. Thất chính giữa từ chữ **Hồ** (𑖀𑖃_ VAM) khởi, thất ở phương Đông từ chữ **Hồng** (𑖀𑖃_ HŪM) khởi, Thất ở phương Nam từ chữ **Đát-lạc** (𑖀𑖃- TRĀḤ) khởi, Thất ở phương Tây từ chữ **Hột-lý** (𑖀𑖃_ HRĪḤ) khởi, thất ở phương Bắc từ chữ **A** (𑖀𑖃_ AH) khởi

Tức năm cái thất này, bên ngoài tựa như có năm cái, nhưng bên trong là một cái thất. Trong đó có tám cây cột Kim Cương lớn do mọi báu tạo thành, bên cạnh tràn đầy đồ quý báu hiếm có xen kẽ, đá báu trang sức. Bên trên có đầu cá **Ma Kiệt** (Makāra) lộ răng nanh ngậm viên ngọc báu. Lại treo chuông bằng vàng, chuỗi Anh Lạc rủ chung quanh. Lại giăng trướng báu, Giác Hoa trang nghiêm, lưới tơ, dây đai, hoa **Nuy Nhụy** (hay Ngọc Trúc) giao liền nhau, ánh sáng trong sạch cùng soi rọi đều nhau. Báu của nhóm Lưu Ly làm mặt đất, ở trên đất rải bày nhóm Diệu Hoa, **Câu Tô Ma** (Kusuma). Tịnh Giới có Hương xoa bôi thơm phức thù đặc, đốt hương Giải Thoát toả mùi thơm hoà hợp với Trí Siêu Thắng, đèn Ma Ni toả sáng chói rực rỡ, cây báu bày hàng, gió thơm chạm nhẹ khéo đều thổi qua phan the lụa quần quít trợ nhau che bóng rợp mọi thứ. Vô lượng đẳng loại Dược Xoa, La Sát, chư Thiên... trước sau vây quanh, tấu các âm nhạc, múa điệu múa Kim Cương, tán bài ca Kim Cương. Mây lành che tràn tuôn mưa hương hoa màu nhiệm tràn ngập trong hư không rồi rít thông thả rơi xuống. An bày mọi loại thức ăn uống cúng dường.

Người hành Pháp nên thường như vậy lắng dừng, chân thật quán cùng Tâm tương ứng.

Lúc vào Quán đó thời trước tiên tụng Chú này. Chú là:

"Na mâu tam mạn đa bột đà nam (1) tát bà đa tha, khiêm (2) ốt na ngải đế (3) tất phả la, hê hàm (4) già già na cãng (5) toa ha"

𑖀𑖃 𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVATHĀ_ KHAM_ UDGATE SPHARA_ HĪMAM_ GAGANAKAM_ SVĀHĀ

Tụng Minh Chú này, vào các Tam Muội, tùy theo chỗ quán của Tâm thấy đều thành tựu. Đó là lời chân thành của Đức Phật, đừng nên nghi ngờ.

Sở dĩ trước tiên tác Quán đó là muốn khiến cho bên trong bên ngoài trong sạch giống như hư không chẳng dính mắc. Tất cả Tự Tính trong sạch là thân trong sạch, cho nên lại tụng Chú này cùng với Tâm Ấn đều Chú là:

"Án (1) toa bà bá phộc du đà (2) tát bà đạt ma (3) toa bà bá du độ hàm"

𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀

OM- SVABHĀVA_ ŚUDDHA - SARVA_ DHARMA_ SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM

Tụng Minh Chú này tịnh thân xong. Lại nói lời này: "*Vô lượng Kiếp đến nay trôi lăn sống chết, chìm đắm trong trong bùn lầy phiền não, chẳng gặp bạn lành để tùy an,*

tâm chẳng thể xa lìa, chẳng thể khởi cầu nơi Đạo Vô Thượng. Chính vì thế cho nên nay phát Tâm Bồ Đề, cần phải miệng xưng chữ A (ॐ_A). Chữ này có nghĩa là Vô Sinh, hướng đến Môn Không Tịch. Chỉ riêng một Môn này hay xa lìa bụi dơ"

Người thuận theo Pháp này, hay trừ vi trần số tội trong vô lượng kiếp của Hành Nhân. Ví như hư không trong sạch thì mặt trời sáng khéo chiếu soi tất cả u ám, tự nhiên bùng sáng. **Nhật** (mặt trời) là **Tuệ Nhật** (mặt trời Tuệ), **Không** (Sūnya) là **Chú Không**. Dùng mặt trời Tuệ chiếu nơi Chú Không, trừ ám tối phiền não xong. Lắng Tâm tịnh, quán cõi hư không có các Như Lai nhiều như số hạt mè, đầy đủ tướng tốt. Các Như Lai đó đều hiện ngay trước mặt, búng ngón tay cảnh giác bảo rằng: "*Thiện Nam Tử ! Người muốn phát Tâm Bồ Đề thì nên tự quán Tâm*"

Bấy giờ Hành Giả được lời này xong, cần phải hôn hờ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nơi của Phật, cúi năm vóc sát đất, một lòng kính lễ. Lúc lễ chư Phật thời nên tụng Chú này là:

"Án (1) tát bà đát tha yết đa (2) bà đà, bàn đạt na (3) yết lô nhĩ"

ॐ स र्व व क्षणै र्ना स त्त्वं क र्ण्ये

OM – SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀM KARA-UMI.

Tụng Minh Chú đó, tưởng lễ các Như Lai xong. Liên tự quán Tâm.

Lúc quán Tâm của mình thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) chất đa, bát la để phệ đà (2) yết lô di"

ॐ र ष र्वा र्थं प्र ष त्त्वं क र्ण्ये

OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Tụng Minh Chú đó, tự tưởng trong trái tim làm tướng vành trăng. Nếu chưa rõ ràng, liền bạch Phật rằng: "*Con đã tác quán nhưng chưa rõ ràng*".

Đức Phật bảo: "*Thiện Nam Tử ! Người nên tụng Chú đó lần nữa, quán tâm ấy khiến cho rất sáng trong*". Chú là:

"Án (1) bồ đề chất đa mẫu đát ba đà, dạ nhĩ"

ॐ बो धि र्वा र्थं प्र ष त्त्वं क र्ण्ये

OM – BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chú đó, quán mặt trăng ở trái tim rất sáng trong xong, được Bồ Đề bền chắc. Ở trên mặt trăng quán một hoa sen Kim Cương.

Lúc quán hoa đó thời tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) để sắt-xá (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"

ॐ र ष त्त्वं क र्ण्ये

OM – TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tụng Chú này dùng quán nơi hoa. Ở trên hoa ấy có một Kim Cương. Dùng tướng đó nên gọi là **Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padma). Nên tác "*Tâm đó tức là Ta, thân này cùng với hoa Kim Cương chẳng phải một chẳng phải khác, dần dần mở bày ánh sáng rực rỡ vượt qua vô lượng cõi*".

Lúc nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Khai Phu Quang Minh Tam Muội** đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tát phả la (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"

ॐ स र्व व क्षणै र्ना स त्त्वं क र्ण्ये

OM – SPHARA VAJRA -PADMA

Tụng Chú đó, quán hoa nở bày. Ánh sáng của hoa chiếu soi vô lượng hằng hà sa số cõi màu nhiệm của chư Phật. Ở trong ánh sáng đó diễn xướng tiếng của **Đa Lợi Bồ Tát** (Tārā-bodhisatva), tiếng màu xanh sáng thuận cong theo.

Như Lai của các cõi ở các phương đều nhập vào trong hoa đó. Các Như Lai đó nhập vào hoa này xong, liền lại từ từ rút nhỏ hoa này lại, như lúc xưa không có khác. Tùy theo sức hay quán thân đó lớn nhỏ mà khiến trụ. Lúc tác **Liễm Hoa Tam Muội** thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tăng ha la (2) bạt chiết la (3) bát đà-ma"

ॐ तं हं ल [व ज प श

OM- SAMHARA VAJRA-PADMA

Tụng Chú thu nhỏ hoa này (liễm hoa), tùy theo lớn nhỏ, trụ xong.

Lại nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Chi Thân Tam Muội**, toàn hoa sen này thành thân của Ta. Lúc nhập vào Quán đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) bạt chiết-la (2) bát đà-ma (3) hằng-mãng cú hàm (4) tam ma dữu hàm (5) ma ha tam ma dữu hàm"

ॐ व ज प श य ञ कं म म य कं म क म म य कं

OM- VAJRA-PADMA ATMAKA-UHAM _ SAMAYA-UHAM_ MAHĀ-SAMAYA-UHAM

Quán thân của hoa sen Kim Cương đó xong, liền quán nơi thân này là nơi **Thánh Giả Quán Thế Tụ Tại Bồ Tát** (Ārya-avalokiteśvara-bodhisatva). Thân tướng ấy là: Ngồi trên hoa sen báu, đội mão hoa báu, ở trong mão ấy có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ngồi trên hoa sen báu, tác tướng nói Pháp. Đây gọi là Tướng của Như Lai trong mão. Tay trái cầm giữ hoa sen Kim Cương, tay cầm hoa ấy: trước tiên tác Liên Hoa Quyền xong, sau đó duỗi đem vạch của ngón giữa với đầu của ngón trở cùng với ngón cái cùng vịn nhau; ngón út, ngón vô danh như Quyền. Dùng tay Ấn này cầm hoa Kim Cương. Bên phải cũng như vậy, chỉ ở trên hoa vịn một cánh hoa làm thế bóc lật hoa.

Như vậy Quán. **Đa Lợi Tâm Bồ Tát Thánh Giả** đến Quán, bởi thế trước tiên nhập vào Quán này, vì muốn dựng lập thân này mau được thân của Kim Cương bền chắc.

Lại muốn đời đời được như thân của Thánh không có khác, dựng lập thân này dùng Ấn Chú đó. Hai tay: ba ngón từ ngón trở trở xuống, hướng ra ngoài cái chéo nhau, hai ngón trở cùng trụ đầu ngón như cánh hoa sen, kèm duỗi dựng hai ngón cái.



Chú là:

"Án (1) cật-ly tát bà ca lý (2) a địa sắt-đà, bà phộc hàm (3) hột-ly"

ॐ अ द म त क र (म अ ष्ट स म र ङी

*) OM – GRI - SARVA-KARI ADHIṢṬA SVĀMAM_ HRĪH

Dùng Ấn Chú đó ấn ở bốn chỗ. Bốn chỗ là: trên trái tim, tam tinh (my gian), trên cổ họng, trên đỉnh đầu. Đây là bốn chỗ.

Tiếp tác Pháp **Tự Quán Đỉnh** hay khiến cho Hành Giả mau được thành tựu đầy đủ ba thân. Tướng của Ấn đó là: Hai tay như thường, chắp lại, liền đè ép bốn ngón từ ngón trở trở xuống, cùng trụ đầu ngón, xếp nếp lưng ngón tay ấy làm hình cánh hoa sen sáu.



Chú là:

"**Ấn (1) địa lý, ma nễ, bát đầu-ma (2) a tỳ sãn giả hàm, hột-ly**"

ॐ वृ म्(म पझरु वं व म् ॐ

OM_DHR_MANI-PADMA ABHIṢIMCA MĀM_HRĪḤ

Tụng Chú này, nâng Ấn ấy trụ trên trán, liền chia bung tay quán quanh đầu đến phía sau đỉnh đầu. Từ từ lần theo thân cho đến trụ ở trái tim, trước tiên lại dùng hai tay nắm Kim Cương Quyền, liền duỗi ngón trở khiến ngay thẳng, ở mặt ngón trở phải tương có một chữ **Ấn (ॐ_OM)**, ở mặt ngón trở trái tương một chữ **Châm (ॐ_TUM)**, liền đem hai ngón tay cùng quán quanh nhau, trên chữ của ngón tay ấy phóng ra ánh sáng rất có uy đức.



Lại đem hai tay quán quanh thân hướng đến ở trên lưng, cũng lại từ trên lưng quán quanh, đến trên rốn cũng thế. Lại từ trên rốn quán quanh, đến ở sau eo lưng. Từ sau eo lưng quán quanh, giáp vòng chỗ ngồi ấy. Từ bên dưới hướng lên trên, đến ở phía trước cổ họng cũng như thế. Lại từ phía trước cổ họng đến ở sau đỉnh đầu cũng như vậy. Từ sau đỉnh đầu đến ở trên trán cũng thế. Từ trên trán quán quanh đến sau đỉnh đầu. Quán quanh như vậy xong, từ từ bung tán mười ngón của hai tay.

Tác Pháp đó xong thì tất cả hàng Trời, Rồng, Người, Phi Nhân đều nhìn thấy Hành Giả là thân Kim Cương, mặc áo giáp Kim Cương. Các hàng Tà Ma chẳng dám nhìn thẳng, lui tan chạy trốn, chẳng thể gây hại.

Tác Pháp đó. Tiếp lại ở trước mặt quán Tượng của Bản Pháp từ hình tướng của **Quán Âm** như thường. Lại nữa như trước đã nói núi Diệu Cao, quán trong năm cái thất báu, ở trong ấy một lòng chân thật quán Đức Phật **Vô Lượng Quang** (Amitābha) có 32 tướng, 80 chủng tử ánh sáng rực rỡ. Ở bên phải Đức Phật có một vị **Quán Âm Thánh Giả**, ở bên trái của Đức Phật có một vị **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát**, ở trước mặt Đức Phật, hơi gần mé bên phải có vị **Thánh Giả Đa Lợi** (ārya-Tārā)

Đức **Di Đà Như Lai** từ chữ **Hột-ly** (ॐ_HRĪḤ) khởi hình, **Quán Âm Bồ Tát** từ chữ **Sa** (ॐ_SA) khởi hình, **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát** từ chữ **Bà** (ॐ_VA) khởi hình, **Đa Lợi Thánh Giả** từ chữ **Đông-lộng** (ॐ_TĀM) khởi hình. Bên phải Đa Lợi Bồ Tát có một vị Sứ Giả tên là **Nhất Kế** (Ekajata-bodhisatva) là vị Thánh Giả từ chữ **Ê** (ॐ_E) biến khởi nơi hình. Ở bên phải của Vô Cấu Hạnh Bồ Tát có một vị **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkuṭi-bodhisatva) là vị Bồ Tát từ chữ **Bì** (ॐ_BHR) mà khởi. Ở bên trái có một vị **Mã Đầu Bồ Tát** (Hayagrīva-bodhisatva) là vị Bồ Tát lại từ chữ **Hà** (ॐ_HA) mà khởi nơi hình

Hình tướng của nhóm như vậy rộng như Kinh nói. Ở trước mặt Đức Phật có một vị **Địa Thiên** (Prthivīye-deva) là vị Trời từ chữ **Ba** (𑖀_PA) mà khởi nơi hình.

Ở bốn phương đều tướng có **Thần** (Devatā) dùng làm thị vệ.

Vị Thần ở phương Đông tên là **Ấn Đạt La** (Indra) là Thần Nữ mặc áo giáp Kim Cương, tay cầm Kim Cương hộ giúp phương Đông

Phương Nam có vị Thần tên là **Diêm Ma** (Yama) là Thần Nữ mặc áo giáp, tay cầm cây gậy Diêm Ma hộ giúp phương Nam

Phương Tây có vị Thần tên là **Bà Lô Nễ** (Varuṇī) mặc giáp trụ, cũng làm dung nghi người nữ, cầm cung tên thủ hộ phương Tây.

Phương Bắc có vị Thần tên là **Câu Tỳ Lý** (Kuverī) khoác mặc áo giáp, y như lúc trước, tay cầm một cây gậy hoa thủ hộ phương Bắc.

Nhóm Thần như vậy đều có uy quang, thủy khiến rõ ràng như thế, tướng quán như đôi trước mắt.

Tác Pháp đó, quán xong. Lại dùng chữ của Chú trong Bản Minh Chú, tướng ngay trên thân.

Trước tiên dùng chữ **Ấn** (𑖀) trên, tướng ở trên đỉnh

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖂) tướng ở ngay trán

Lại dùng chữ **Lê** (𑖄) tướng ở hai mắt

Lại dùng chữ **Đốt** (𑖆) tướng an trên cổ

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖂) tướng ở vai vai

Lại dùng chữ **Lê** (𑖄) tướng ngay trên trái tim

Tiếp dùng chữ **Đốt** (𑖆) tướng ngay trên rốn

Lại tướng chữ **Lợi** (𑖈) ở ngay hai lá lách

Lại tướng chữ **Toa** (𑖊) ở trên hai cẳng chân

Lại tướng chữ **Ha** (𑖌) ở trên hai bàn.

Nay tướng mười chữ này an bày vòng khắp nơi thân xong

Lại tác **Bảo Xa Ấn** dùng nghênh đón các hàng Thánh Giả. Bởi thế trước tiên tác **Bản Thân Thân Quán** lúc trước, sau đó mới thỉnh Thánh Giả. Ấy là mỗi mỗi quán chư Thiên, biết tướng ấy xong mới thỉnh **Tuệ Thân** đi đến **Pháp Thế**. Do nghĩa đó cho nên trước tiên Quán Thỉnh.

Bảo Xa Ấn là: Hai tay ngửa ngang bằng nhau, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào trong cùng cái chéo nhau, đê cạnh của hai ngón trở cùng trụ nhau, đem ngón cái hướng vào bên trong, bật hai ngón trở ra. Đây gọi là **Bảo Xa Ấn**.



Tướng xe báu ấy đi đến chỗ của các Tôn. Chư Tôn đều cùng ngồi trên xe báu ấy đi đến. Tướng ở trên xe đó có bảy báu, mọi báu trang nghiêm, giăng che lưới báu, chuông, dây đeo rũ vòng quanh. Ở khoảng giữa của lưới ấy đều có ngọc Ma Ni màu nhiệm toả sáng rực rỡ, nương theo mây năm màu, bay trên không đi đến.

Chú của Ấn đó là:

"Ấn (1) đồ lô, đồ lô (2) hồng"

ॐ तुरु तुरु हूं

OM_ TURU TURU HŪM

Tụng Chú đó xong, dùng Ấn lúc trước, tưởng đến chỗ của Thần. Bởi thế lại dùng **Bản Bộ Tâm Chú** thỉnh Thánh Giả giáng phó.

Tâm Ấn là: Đem mười ngón tay hướng vào bên trong cái chéo nhau làm quyền, liền rút ngón cái phải ra, hướng vào bên trong, chiêu mời.



Chú là:

"Ấn (1) a lô lực (2) toa ha"

ॐ अल्लिक स्वहा

OM_ AROLIK_ SVĀHĀ

Lúc trước dùng **Bảo Xa Ấn Chú** trước tiên nghênh đón. Tiếp nên dùng **Bộ Tâm Chú** thỉnh giáng xuống và đều đi đến, nhận cúng vật của Hành Giả, lợi ích cho Người, Trời.

Lúc đi đến thời lại dùng **Mã Đầu Bò Tát Ấn Chú** để triệu mời. Ấn ấy là: Hai tay: ba ngón từ ngón trở trở xuống, hướng ra ngoài cùng cái chéo nhau làm quyền. Hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau. Co lỏng giữa của hai ngón trở cùng dính lưng nhau, liền thành.



Chú là:

"Ấn (1) ha gia cát lợi bà (2) ma ha bát na ma (3) củ xá, yết lý bà gia (4) thí già-lam (5) tát bà bát đầu ma của xá (6) tam ma diễn, bát đầu ma (7) củ xa, đạt la (8) hồng xà"

(Ấn này xuất từ Kinh Hằng Tăng Kiệt La Ha)

ॐ हयग्रीव मह पद्मकुशाकरश्या अक्षि मत् पश कुल सम्य पशकुलि
दर हूं

OM- HAYAGRĪVA MAHĀ-PADMĀNKUŚA AKARŚĀYA – ŚĪGHRAM SARVA PADMA-KULA SAMAYAM_ PADMĀNKUŚA-DHĀRA_ HŪM JAḤ.

Nên dùng Ấn Chú đó triệu mời. Lúc triệu mời thời dùng ngón trở chiêu mời cái xe ấy đến.

Lại dùng **Bản Chú Ấn** hạ xuống dưới, đem tay trái nắm cổ tay phải xong, đưa tay trái an trên đỉnh đầu, hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"Ấn (1) tát bà tát đoả nam (2) ể hề ể hề (3) toa ha"

ॐ तत्तत्तं नमो ह्ये ह्ये त्वाहा

OM SARVA SATVĀNĀM EHYEHI SVĀHĀ
Dùng Ấn Chú đó đưa xe báu hạ xuống. Xe báu hạ xuống xong.

Lúc vào cái Thất báu thời lại dùng Ấn Chú này nhập vào. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, khiến đầu ngón cùng trụ nhau, liền giao vạch trên của hai ngón trỏ, bên phải đè bên trái, liền thành.

Chú là:

Ấn (1) a mâu già, bát đạt ma, ba xá (2) câu lô đà (3) a ca lý sa gia (4) bát la phệ xá gia (5) ma ha ba du ba để (6) diệm ma bà lô noa (7) câu tỳ la, bột la ma (8) Ấn, phệ sa đạt la (9) bát đầu ma câu la (10) tam ma diển (11) hồng hồng (12)"

ॐ अमृच वसुधै कुरुते अक्षय सुवर्णय मनुष्यवर्ग यम वरुण कुर्वर वश्र

ॐ वरिदर वसकुव समय हूँ हूँ

OM- AMOGHA PADMA-PĀŚA KRODHA AKARŚĀYA PRAVEŚĀYA – MAHĀ-PAŚŪ-PATI YAMA VARUṆA KUVERA BRAHMA

OM VEŚA-DHĀRA PADMA-KULA SAMAYAM – HŪM HŪM

Dùng Ấn Chú đó thỉnh tất cả các hàng Chú Thiên trong Liên Hoa vào cái Thất báu. Vào xong mới bày toà ngời khiến ngời.

Toạ Ấn là: Hai cổ tay cùng dính nhau, dựng thẳng mười ngón tay, mở bung, trông như hoa sen tự nở.



Tức Chú đó là:

"Ấn (1) tát bà bát la tỳ sắt-tra (2) bồ đà na gia (3) toa ha"

ॐ म त् व त्त पृ व व न य मृ न

OM SARVA PRATIṢṬA BUDDHA-NĀYA SVĀHĀ

Dùng Chú Ấn đó bày toà ngời xong, thỉnh chư Thiên ngời xong.

Liền hiến nước thơm, nước ấy tên là **Át Già Thủy**. Ấn là: Hai tay:ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, nắm ngón cái làm quyền, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón.



Chú là:

"Ấn (1) tát bà ô đặc ca, yết la xà gia (2) toa ha"

ॐ म त् उ र क ष य मृ न

OM SARVA UDAKA-AKARŚĀYA SVĀHĀ

Dùng Ấn Hương Thủy đó cúng dường. Nước ấy nên dùng nhóm bùa Bạch Đàn Hương hoà với nước cúng dường xong.

Liên tác **Bê Môn Ấn**. Chắp hai tay lại, giữa rộng, co vạch trên của hai ngón trỏ, bên trái đè bên phải, cùng cài chéo nhau. Đem hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau đều vịn đầu ngón trỏ. Chú là:

"**Án (1) bát đầu ma (2) tắc bố tra, bàn đà (3) tát bà bát đầu ma, câu la (4) tam ma diển (5) thử yết lam (6) hồng (7)**"

ॐ वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं

OM PADMA-SPHOTA BANDHA SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM SĪGHRAM HŪM

Tụng Chú đó, dùng Ấn đó để đóng bốn cửa của cái Thất báu.

Tác Pháp đó xong. Lại tác Pháp **Hoan Hỷ Ấn Chú** khiến cho các hàng Thánh Giả đều rất vui vẻ. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, kèm co ngón cái vào lòng bàn tay.

Chú là:

"**Án (1) sa mâu khư, bà nại la, câu ma la (2) phệ sa đạt la (3) bát đầu ma, kiến tra gia, tỳ xá gia (4) tát bà bát đầu ma, câu la (5) tam ma diển (6) tát bà một tấu lam (7) bàn đà gia (8) tát bà tát địa dụ di (9) bát-la duệ xa (10) bát đầu ma, phệ xá (11) a a a a (12)**"

ॐ सधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं वसुधै कुरु कुम्भारं

OM SAD-MUKHA-BHADRA KUMĀRA VEŚA-DHARA PADMA GHAMTĀYA SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM SARVA MUDRAM BANDHĀYA SARVA SIDDHI SUME PRAYĀCCHA PADMA-VEŚA AH AH AH

Tác Pháp đó xong.

Liên tác **Tịnh Địa, kết Hạ Phương Kim Cương Quyết Ấn**. Đem ngón giữa, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau, đều dùng đầu an ở khoảng ngón trỏ. Hai ngón vô danh cũng bên trái đè bên phải cùng giao nhau, dùng đầu an ở khoảng ngón út. Đem hai ngón út cùng trụ đầu ngón, đầu ngón trỏ cũng trụ nhau, hợp đầu hai ngón cái cùng dính nhau.



Chú là:

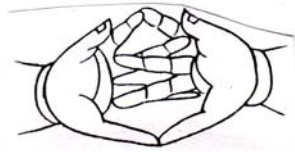
"**Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bặt chiết la, bộ la (3) bàn đà bàn đà (4) hồng (5) phán (6) toa ha"**

ॐ किलि किलि वाजरा वाजरी भूरं बन्धा बन्धा

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪM PHAT SVĀHĀ

Dùng Ấn này tiếp chạm mặt đất, hay khiến cho tất cả Tỳ Na Dạ Ca ở phương dưới thầy đều xa lìa.

Tác Pháp này xong, lại tác **Kết Hộ Tứ Phương Ấn**. Dựa theo lúc trước, chỉ sửa dụng hai ngón cái liền thành.



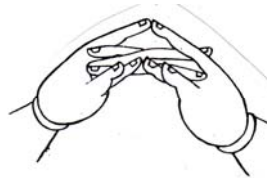
Chú là:
"Án (1) sa la sa la (2) bạt chiết la (3) bát la ca la (4) hồng (5) phán (6) toa ha"

ॐ सारि सारि वज्र प्रकरि हूं क्लृप्त

OM_SARA SARA_VAJRA PRAKARA_HŪM PHAT SVĀHĀ

Tụng Chú đó xong, đem Án này quán quanh thân, chuyển ba lần, liền thành **Tứ Phương Giới**. Pháp đó trừ Ma Chương của bốn phương.

Tác Pháp đó xong, liền **Kết Thượng Phương Giới**. Án ấy dựa theo lúc trước, chỉ sửa hai ngón trỏ cùng giao nhau, đem đầu của hai ngón cái và đầu của hai ngón trỏ cùng trụ nhau.



Chú là:
"Án (1) tỳ tất phổ la (2) nại lạc cật xoa (3) bạt chiết la, bàn xà la (4) hồng (5) phán (6) toa ha"

ॐ विष्णुराद राक्ष वज्र पंजल हूं क्लृप्त

OM_VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PANJALA HŪM PHAT SVĀHĀ

Dùng Án Chú này kết ở Thượng Phương Giới xong.

Tác Pháp **Kết Hộ** đó xong.

Nay thứ tự nói Pháp của bốn loại cúng dường **Bí Mật Nội Ngoại**. Trước tiên nói bốn loại Án của **Nội Cúng Dường**.

Thứ nhất tên là **Bát Đạt Ma La Tử** (Padma-lāsya: Liên Hoa Hỷ Hỷ). Tượng của Án này là: hai tay: bốn ngón từ hai ngón trỏ trở xuống, như thường chấp lại, rồi mở ở giữa. Lại giương hai ngón cái dính thân.



Chú là:
"Án (1) bát đạt ma la tế (Hỷ Hỷ) la yết na (2) ma ha la để, la yết (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng"

ॐ बट्टमलते ह्यह्य लयत्न महा लयेत्त बोख तम्मदुये हूं

OM- PADMA-LĀSYE RĀGĀNĀM MAHĀ-RATI-RĀGA PŪJA SAMAYE HŪM.

Thứ hai tên là **Bột Địa Na Già Ma La** (Man: vòng hoa) **Án** (Buddha-nāya-māla-mudra). Dựa theo Án lúc trước, duỗi dài, dẫn hướng về phía trước liền thành.



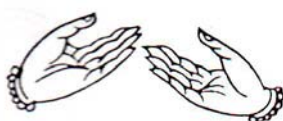
Chú là:

"**Án (1) bát đạt ma, ma lệ (2) tỳ sần giả (3) a tỳ lệ ca (4) bố xà, tam ma duệ (5) hồng**"

ॐ अक्षमलकंबिकारिकपुष्पसमये हूं

OM -PADMA-MĀLA ABHIṢIMCA _ ABHIRIKA _ PŪJA SAMAYE HŪM

Thứ ba tên là **Bát Đạt Ma Nghi Đa** (ca) **Án** (Padma-gīta-mudra). Dựa theo Án lúc trước, lại thu nhỏ dần ngang trái tim từ từ hướng lên trên, mở bàn tay bung tán, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) bát đạt ma nghi đế (2) nga đà, nghi đa (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng**"

ॐ अक्षगीग गथगीग पुष्पसमये हूं

OM -PADMA-GĪTE _ GĀTHA GĪTA _ PŪJA SAMAYE HŪM

Thứ tư tên là **Bát Đạt Ma Nại Lật Trí Đế Gia** (Vũ:múa) **Án** (Padma-Nṛtya-mudra). Án này dựa theo lúc trước, ngang phía trước trái tim, để bàn tay phải ở trên bàn tay trái, chuyển từ từ lên trên, đến cái đầu, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) bát đạt ma, nại lật đế gia (2) tát bà bố xà (3) bát la bà, lật đa na (4) tam ma gia (5) hồng**"

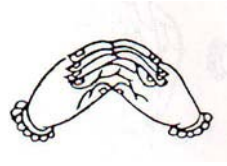
ॐ अक्षृष्टसर्वपुष्पप्रवर्तनसमये हूं

OM -PADMA-NṚTYA _ SARVA PŪJA PRAVARTTĀNĀM _ SAMAYA HŪM.

Phần bên trên gọi là **Bốn loại Pháp cúng dường của Nội Viện.**

Ngoại Cúng Dường có bốn loại.

1_ **Thieu Hương Án**: Hai tay hợp mười ngón tay, bên phải đè bên trái, cùng cái chéo nhau. Liền từ từ hướng xuống dưới, mở bàn tay, liền thành.



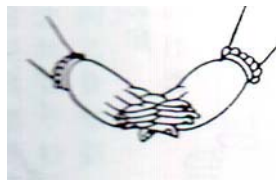
Chú là:

"**Án (1) bát đầu ma độ ba (2) bố xà, tam ma duệ (3) bát la ha la nại gia (4) bát đầu ma câu la, nãi đế (5) ma ha yết nễ (6) bát đầu ma la đế (7)**"

ॐ वशिष्ठ व पूरु समय वसुधै व कुर्वत स्वैर मनुजै व वशिरु

OM PADMA-DHŪPA PŪJA SAMAYE _ PRAHLA-NĀYA _ PADMA-KULA DINI _ MAHĀ-KAṆI _ PADMA RATI

2_ **Hoa Án:** Hai tay như thường, chắp lại xong liền mở ra hướng lên trên bung tán, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) bố sất ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, ma lý nễ (3) ma ha thất lý duệ (4) bát đạt ma câu la (5) bát la đế ha lý (6) tát bà át tha (7) sa đạt dạ (8) hồng**"

ॐ पुष्प पूरु समय वशि मन्त्र मन्त्रिय वसुधै व वशिरु मन्त्रिय मन्त्रिय

OM PUṢPA PŪJA SAMAYE _ PADMA-MĀLINI _ MAHĀ-ŚRĪYE _ PADMA-KULA PRATIHĀRE _ SARVĀRTHA SĀDHAYA _ HŪM

3_ **Đặng Án:** Hai tay, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cái chéo nhau làm quỳên, kèm hai ngón cái đè trên quỳên ấy.



Chú là:

"**Án (1) địa ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, tôn nại lý (3) ma ha nô đế dạ (4) lộ hôn tán xà na dạ (5) bát đạt ma, sa la bà đế (6) hồng**"

ॐ दीप पूरु समय वशि सुश्री मन्त्र सुश्रीय वरु मन्त्रिय वशि मन्त्रिय

OM DĪPA PŪJA SAMAYE PADMA-SUNDARĪ MAHĀ-DŪTIYA ROHA-SAJ-JANĀYA PADMA-SĀRAVATĪ HŪM

4_ **Đồ Hương Án:** Tương của Án đó như thường, chắp tay lại, giữa rỗng. liền mở cổ tay, đưa tay hướng đến trái tim, bung tán liền thành.



Chú là:

"**Án (1) kiến đà, bồ xà, tam ma duệ (2) ma ha bát đạt ma, câu la, chế chi (3) câu lô, tát bà yết ma nễ di (4) bát đạt ma, tát địa (5) hồng**"

ॐ ऋषि पूजा समये महा-पद्म-कुल-चेति कुरु

OM_GANDHA PŪJA SAMAYE_MAHĀ-PADMA-KULA-CETI KURU_SARVA KARMANI ME_PADMA SIDDHI_HŪM

Tiếp nói Pháp **Hiện Thực Án Chú**. Nên ngửa hai bàn tay bằng nhau, cạnh bàn tay cùng dính nhau, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) tát bà dạt tha yết đa (2) la sa la sa (3) ngu lô, dạt la, bồ xà, tam ma duệ, hồng**"

ॐ सत् तथगत रसरसगुरु त पूजा समये ॐ

OM_SARVA TATHĀGATA_RASA RASA_GURU TĀRĀ_PŪJA SAMAYE_HŪM

Các Án bên trên gọi là **Ám Thực Cúng Đường Án Chú**.

Tiếp nói Pháp **Thân Cúng Đường** của **Án Bộ**.

Sám Hối Án: Hai tay như thường chấp lại, liền co hai ngón út cùng dính lưng nhau, hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, liền thành. Chú là:

"**Đát địa-gia tha (1) a lợi lệ, đa lợi (2) đót đa lợi (3) đót lợi (4) hề lan noa dạ, yết la tỳ (5) la xoa, la xoa, hàm (6) tát bà nậu khế tỳ-gia (7) tát bà ô ba nại la phê tỳ-gia (8) toa ha**"

ॐ तदथा ॐ ऋषि गुरु तदुत्तरे तुरे हरिप्रकाश रक्षरक्ष इ सत्सर्वभूतः
सर्वभूतः सर्वभूतः सर्व

TADYATHĀ: OM_ĀRYA TĀRE TUTTĀRE TURE HIRANYA-GARBHE RAKṢA RAKṢA MĀM_SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVĀHĀ

Đây gọi là **Căn Bản Án**. Án này đối trước Đức Phật, hồi hận sửa chữa tội lỗi, hay diệt vô lượng tội nặng.

Lại tác **Tâm Án**. Chỉ sửa hai ngón cái vịn ngón trỏ xong, để ngang trái tim. Chú là:

"**Án (1) tát bà (2) ha lý đà gia (3) tam bồ đà gia (4) toa ha**"

ॐ सत् हृदय संबोध्यै स्वहा

OM-SARVA HRDAYA SAMBODHĀYA - SVĀHĀ.

Lúc làm cúng dường đó thời hay trừ tội thuộc ba nghiệp của Hành Giả.

Tiếp nói Pháp **Khẩu Ấn**. Dựa theo Tâm Ấn trước, chỉ sửa hai ngón cái, co vào trong lòng bàn tay vịn trên móng ngón út, liền thành. Chú là:

"**Án (1) tỳ bà la thủy (2) già già na (3) toa ha**"

ॐ त्रिभुवनसुख

OM- VIPAŚIYĀYA – SVĀHĀ

Sức của Ấn Chú này hay trừ tất cả lỗi thuộc về miệng của Hành Giả.

Tiếp nói **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Ấn**. Tay phải đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, tay trái cũng vậy. Liền đem tay phải hợp ở trên tay trái.



Chú là:

"**Án (1) tát bà bột đà, bồ đề tát đỏa gia (2) toa ha**"

ॐ सर्व बुद्ध ज्ञानसुख

OM- SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀYA – SVĀHĀ

Tiếp nói **Triệu Nhất Thiết Thiên Long Ấn**. Đem tay trái úp che, duỗi dài năm ngón tay. Liền đưa tay phải hướng xuống dưới cái chéo nhau làm quyền. Đưa tay trái chỉ hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"**Án (1) câu lô đà (2) bà bà đệ bà nam (3) toa ha**"

ॐ क्लृप्तं सर्वं देवं

OM- KRODHA SARVA DEVĀNĀM – SVĀHĀ.

Tụng Chú này dùng triệu các tám Bộ Trời Rồng

Tiếp nói **Kết Hộ Nhất Thiết Phương Giới Tịch Trừ Chướng Ấn**. Trước tiên đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng cái chéo nhau. Liền đem ngón giữa phải đè ở trên ngón vô danh trái. Đem ngón cái trái đè đầu ngón út phải. Tiếp đem ngón giữa, ngón trỏ với ngón vô danh của tay trái nắm đầu ngón trỏ phải và cùng trụ với đầu ngón út trái. Đem Ấn quấn quanh thân khua múa. Tùy theo Tâm của Hành Giả muốn xa gần... làm phòng hộ đều được thành tựu. Chú là:

"**Án (1) tát bà được xoa, la xoa bà (2) bàn đà bàn đà (3) toa ha**"

ॐ सर्वं यक्ष रक्षसं वृषं वृषं सुख

OM- SARVA YAKṢA RĀKṢASA_ BANDHA BANDHA – SVĀHĀ.

Tiếp tác **Ngũ Tịnh Nhân Ấn**. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, liền co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, đem ngón cái vịn lên, tiếp hai ngón vô danh phụ trên móng ngón út. Chú là:

"**Án (1) tát bà chước xô (2) kiến la, yết la gia (3) toa ha**"

ॐ सर्वं यक्ष रक्षसं सुख

OM_ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA – SVĀHĀ

Người kết Ấn này thì năm loại mắt thường được trong sạch.

Tiếp tác **Thí Nguyên Ấn**. Tay trái đem ngón cái vịn đầu ngón trỏ, duỗi ba ngón còn lại. Tay phải cũng vậy. Xong dựng tay trái, rũ tay phải, dùng **Thân Ấn** lúc trước. Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho Hữu Tinh trong sáu nẻo không có các khổ não.

Tiếp tác **Triệu Tứ Vương Ấn**. Hai tay: ba ngón từ ngón giữa trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cùng cái chéo nhau, co hai ngón cái ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón trỏ hướng vào bên trong móc nhau. Chú là:

"**Ấn (1) tát bà đệ bà, a yết lý sa gia (2) toa ha**"

ॐ स र्व दे व अ क र श य ा स्व ा ह ा

OM_SARVA DEVA AKARŚĀYA _SVĀHĀ

Tác Ấn này dùng triệu bốn vị Thiên Vương, hỏi việc của thiên hạ thấy đều tùy theo ý.

Tiếp tác **Cấm Thủy Ấn**. Hai tay: mười ngón hướng vào bên trong cùng cái chéo nhau, liền rút dựng hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, hai ngón út cũng vậy. Chú là:

"**Ấn (1) tát bà đệ bà, ô đặc ca (2) toa ha**"

ॐ स र्व दे व उ द ा क ा स्व ा ह ा

OM-SARVA DEVA UDAKA - SVĀHĀ

Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho **Thủy Thiên** hàng phục

Tiếp tác **Cấm Hoả Ấn**. Ở trên Thủy Ấn, chỉ sửa ngón trỏ ngón út sao cho đầu ngón cách nhau chút ít. Chú là:

"**Ấn (1) a kỳ na duệ (2) tát bà đệ bà đa (3) a kỳ na duệ (4) toa ha**"

ॐ अ क ष य स र्व दे व अ ग न य ि स्व ा ह ा

OM_AGNĀYE _SARVA DEVATĀ AGNĀYE _SVĀHĀ

Tiếp tác **Cấm Phong Nạn Ấn**. Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cái chéo nhau nhập vào trên lưng ngón vô danh của tay trái. Hai ngón trỏ, ngón út tùy nhập vào đè trên tâm ngón vô danh với ngón giữa của tay trái. Ngón trỏ với ngón út của tay trái đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải. Ló hai ngón cái cách nhau, dựng thẳng. Lật ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài.

Tác **Phong Ấn** này trị tất cả nạn về gió đều chẳng thể gây hại. **Phong Vũ Thần Vương** đều quy phục tùy Phong Ấn. Chú là:

"**Ấn (1) ma gia phệ (2) tát bà ma câu lô đà (3) nễ phộc đa gia (4) toa ha**"

ॐ म ा ग ि ष म ा क ष ल ा स्व ा ह ा

OM_VĀYAVE _SARVA MĀ KRODHA-DEVATĀYA _SVĀHĀ

Tiếp tác **Tịnh Giới Ấn**. Quỳ gối phải sát đất, liền như thường chấp tay lại, giữa rộng, đem hai ngón trỏ đều phụ vạch bên trên lưng của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ vạch bên dưới của hai ngón trỏ. Chú là:

"**Ấn (1) tát bà ba la đề (2) mâu cật xoa, hạt lý đà na dạ (3) toa ha**"

ॐ स र्व प्र ा ति म ष ा ह र द ा न य ा स्व ा ह ा

Lúc kết Ấn này thời hay khiến cho vô tận hữu tình đều được thân Tịnh Giới

Tiếp tác **Cấm Tặc Ấn**. Hai tay đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh với ngón út bên phải câu móc bốn ngón của tay trái, đều bung hai ngón cái dựng thẳng.

Lúc tác Ấn này thời tất cả nạn giặc cướp đều bị cột trời chẳng thể gây hại. Chú là:

"**Án (1) tát bà đột sắt tra (2) bát la đột sắt tra nam (3) sân đà gia (4) toa ha**"

ॐ सरवा दुष्टा परा दुष्टान् कन्दित्वा

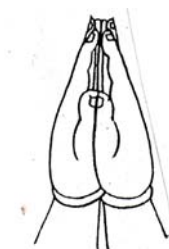
OM- SARVA DUṢṬA, PARADUṢṬĀNĀM, CCHINDĀYA – SVĀHĀ.

Thông Minh Án. Hai tay đem ngón cái đều vịn trên móng hai ngón vô danh, kèm dựng thẳng hai ngón út cùng nắm nhau, hai ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón, co hai ngón trở đều phụ trên vạch thứ hai của cạnh ngón giữa, sau cho đầu ngón cách nhau một thốn. Tác Án pháp này đặt ngay trước trái tim.

Nếu có kẻ **Độn Căn** (Căn tính ngu độn) kết tác Án này cúng dường thời cầu nguyện ắt được như ý. Bên trong vương quốc Pha Lê có một vị Trưởng Giả, căn tính ngu độn, vì bảy ngày cầu nguyện liền được thông minh, một ngày tụng một ngàn bài kệ, tự chứng nghiệm các điều khác, chẳng thể luận đủ được. Tụng **Căn Bản Chú** lúc trước.

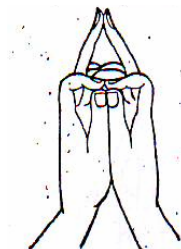
Khai Địa Ngục Môn Án. Co hai ngón giữa, ngón vô danh ở trong lòng bàn tay sao cho chạm lưng nhau. Hai ngón cái, ngón trở với ngón út đều cách nhau nửa thốn. Lúc tác Án này thời cửa Địa ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ, một thời được giải thoát, vua Diêm Ma La vui vẻ khen ngợi. Đức Quán Âm Đại Bi vì thương xót Chúng Sinh nên nói Pháp Yếu này cứu khổ cho chúng sinh. Cũng tụng **Căn Bản Chú**

Sinh Thập Phương Tịnh Thổ Án. Chắp tay để ngang trái tim, kèm hai ngón cái đều trụ trên trái tim.



Lúc tác Án pháp này thời vì tất cả chúng sinh sắp chết, tụng Chú, một lòng vì họ tác Án Pháp thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh. Tụng **Căn Bản Chú**

Kiến Quán Âm Bồ Tát Án. Đem hai ngón vô danh với hai ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm hai ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, hai ngón trở đều co lỏng thứ hai với lỏng thứ ba sao cho hai móng tay chung lưng, hai ngón cái đè trên lỏng của hai ngón trở.



Chuyên tâm chính niệm, sẽ hiện thân. Khi nhìn thấy xong thời sám hối. Quán Thế Âm Bồ Tát nói với Hành Giả rằng: "*Người muốn ước nguyện gì thời tùy theo nguyện đều đầy đủ*"

Người tác Pháp này nên tụng **Căn Bản Chú**.

Tổng Nhiếp Ấn. Ngửa hai cổ tay cùng cái chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, bặt tám ngón của hai tay nhanh chóng nắm quyền.



Ấn này nhiếp chung tất cả **Mẫu Đà La Ni**.

Tổng Nhiếp Ấn Chú là:

"**Ấn (1) tát bà na dũu đa (2) mẫu đà la gia (3) bàn đà bàn đà (4) toa ha**"

ॐ स्रं नयथ मद्राय बंधा बंधा स्वहा

ॐ OM- SARVA NAYOTHA-MUDRĀYA – BANDHA BANDHA – SVĀHĀ

Mãn Lục Độ Ấn. Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài, đem hai ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rừ buồng

Lúc tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán tất cả chúng sinh giống như con đò (xích tử) ắt tất cả chúng sinh đều đầy đủ sáu Ba La Mật, đầy đủ ước nguyện, chư Phật Thế Tôn của hằng hà sa Thế Giới thấy đều vui vẻ. Chú là:

"**Đát điệt tha (1) tát bà bồ đà gia (2) tát bà bát lợi nương (3) ba la mật đa duệ (4) Ấn (5) ha bà ha sa (6) toa ha (7) đát điệt tha (8) nhĩ lý, đa lý (9) toa ha**"

ॐ दत्तियथा तत्तु बधुदा गी तत्तु बाठलि नरुंग (३) बालामित्तु दुये (४) इण्ड (५) हा बा हा सा (६) तो हा (७) दत्तियथा (८) न्ही ली, दाली (९) तो हा

ॐ दत्तियथा (५) हा बा हा सा (६) तो हा (७) दत्तियथा (८) न्ही ली, दाली (९) तो हा

TADYATHĀ: SARVA BUDDHĀYA – SARVA PRAJÑA-PĀRAMITĀYE – OM- HAVA HAVA – SVĀHĀ.

TADYATHĀ: MILI TĀRE – SVĀHĀ.

Thần Túc Ấn. Trước tiên, dùng tay phải co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, tụng **Căn Bản Chú** xong, dùng xoa hai bàn chân thì ngày đi ngàn dặm. Lúc tác Ấn này thời Địa Thần nâng đài hoa bảy báu đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy. Có điều phải sinh tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tiếng tăm lợi dưỡng thì được Vạn Thần phò trợ.

Tuỳ Tâm Ấn. Đem ngón trỏ của tay phải với ngón út của tay trái cùng mở cách nhau khoảng một thốn. Lúc y theo Ấn này thời **Căn Bản Chú** ắt ước nguyện đều được.

Phá Chư Thiên Long Ấn. Đem tay phải vịn trên lưng tay trái, bốn ngón hướng xuống dưới cùng cái chéo nhau, đưa bốn ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"**Ấn (1) câu lô đà (2) tát bà đề bà đa (3) toa ha**"

ॐ क्लोदा तत्तु बा दे बा दा (३) तो हा

OM- KRODHA SARVA DEVATĀ – SVĀHĀ.

Ấn Hình Nhập Lục Đạo ấn. Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa. Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy, xong đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên vào ở trong lòng bàn tay phải, móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, ngón bên phải đè ngón bên trái. Chú là:

"**Ấn (1) câu ngư gia đề (2) tát bà ca lê gia nễ (3) toa ha**"

ॐ कुलीयसु तत्तु बा का ले गी ने (३) तो हा

OM- KULIYASU SARVA KĀLĪYA – SVĀHĀ.

Lúc tác Pháp Ân này thời ấn hình du hành tự tại, tất cả hưng tâm thấy đều ngư nguyền.

Đa Lợi Bồ Tát Thân Ấn. Đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống cùng cái chéo nhau, dựng hai ngón trở dính nhau, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"Án (1) đa lợi đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt đa lợi (4) đốt lợi, đốt lợi (5) toa ha"

ॐ न न न न न न न न न न न न

OM _ TĀRE TĀRE _ TUTTĀRE TUTTĀRE _ TURE TURE _ SVĀHĀ

Nếu lúc tác tất cả Ấn này thời rất nên bí mật, chẳng được ở nơi chẳng sạch với đất trồng, tâm coi thường mà kết.

Nếu lúc kết Ấn thời nên dùng áo che bên trên, chẳng cho người nhìn thấy với người chưa vào Tam Muội Đàn cũng chẳng được đối trước mặt kết Ấn.

Tác Ấn này cúng dường xong, mới bắt đầu an tâm niệm tụng. Lúc niệm tụng thời nên tụng Chú này:

"Án (1) đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) toa ha"

ॐ न न न न न न न न

* OM- TĀRE TUTTĀRE – SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này, hoặc tụng **Căn Bản Chú** lúc trước đều được. Quán chữ của Chú này, mỗi mỗi từ miệng của **Bản Thân** phóng ra ánh sáng bảy báu nhập vào miệng của Hành Giả, xuống đến trên vành trăng trong trái tim của Hành Giả, xoay vòng bảy hàng. Quán xong, liền dùng Liên Hoa Tử Châu (tràng hạt làm bằng hạt sen) niệm tụng. Lúc cầm tràng hạt thời nên dùng ngón cái với ngón vô danh cùng vịn cầm, niệm tụng. Bắt đầu cầm tràng hạt, tụng **Tiểu Tâm Chú** ba biến.



Chú là:

"Án (1) củ lỗ củ lệ (2) toa ha"

ॐ क कु कु कु कु कु

OM _ KURUKULLE _ SVĀHĀ

Tác Pháp đó niệm tụng, nên tùy theo ý thích mà niệm nhiều ít, rộng phát Nguyện lớn, tùy theo chỗ làm đều thỉnh bày hoặc xá lay, lại kết Ấn lúc trước đều nên kết. Nếu chẳng thể kết hết, chỉ cần kết ba **Tam Muội Gia Ấn** lúc trước cũng được.

Kết Ấn này xong, nên tụng Chú này **Phát Khiển** hàng Trời. Chú là:

"**Án** (1) **cật lật đồ bà**, **tát bà tát đoả**, **át tha**, **tát địa**, **nại đa duệ tha nô già yết xa** (2) **đồ xá bột đà**, **tỳ sa diệm** (3) **bố na la già** (4) **ma na gia đồ**, **án phộc nhật-la**, **bát đạt ma**, **mục**"

ॐ ऋषवः सर्वसर्वथ (सिद्धिर्दत्त यथावृत्तकृत् वरद्विषय
पुनरुगमन्युः ॐ वज्रपद्मः

OM- KRTOVAḤ - SARVA SATVĀRTHA - SIDDHIRDATTĀ YATHA ANUGĀGACCHADHVAM - BUDDHA VIṢAYAM - PUNARĀGA MANĀYATU - OM - VAJRA- PADMA - MUḤ

Tụng Chú đó kết hợp **Liên Tam Muội Án**. Nâng Án an trên đầu, bung tán như Thời Pháp xưa nay cũng cùng Tướng.

Lại nên như trước **Phát Nguyện, Hồi Hương** xong, lễ tất cả chư Phật, Bồ Tát... khen ngợi. Trước tiên tự quán **Tự Thân Bồ Tát** khiến trở lại Bản Hình, tâm thường đối với các hữu tình khởi tâm cứu độ, sau đó tùy ý ra khỏi Tĩnh Xá.

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT PHÁP
MỘT QUYỂN (Hết)

Thiên Minh, năm thứ hai, Nhâm Dần, Trọng Đông, đêm ngày mồng ba, canh hai. Dùng **Linh Vân Tạng Bản** ghi chép, lại hợp khảo xét xong, tức dùng Bản ấy

Bảo Vĩnh, núi Trung Nam, viện Bồ Đà Lạc **Nghĩa Cương** dùng bản xưa của chùa Như Ý Luân mà viết chép xong, dùng bản riêng để khảo xét kiểm điểm.

Cùng năm, tháng mười hai, ngày mười chín. Dùng Kinh **Đát Phộc Đa Lợi Tuỳ Tâm Đà La Ni** do Ngài **Trí Thông** dịch để khảo xét duyệt lại xong

Khoan Chính, năm thứ mười một, Kỷ Mùi, tháng mười, ngày mồng năm. Ghi chép, khảo xét xong

Đông Đô Vương Tử **Hựu Ứng** (53 tuổi)

Hiệu chỉnh xong một quyển vào ngày 26/05/2013